**nguyễn chu nhạc**

Nhật thực cho một người

Chào mừng các bạn đón đọc đầu sách từ dự án sách cho thiết bị di động  
  
*Nguồn:* [*http://vnthuquan.net/*](http://vnthuquan.net/)  
Tạo ebook: Nguyễn Kim Vỹ.

**MỤC LỤC**

[Nhật thực cho một người](" \l "bm2)

**nguyễn chu nhạc**

Nhật thực cho một người



   
Tranh sơn dầu Duy Bảo Việt  
  
   
   
  
 Lão Khái nằm bệt giường cả hơn năm nay rồi. Cơ thể teo tóp đi chỉ còn xương với da, song tinh thần thì còn sáng suốt lắm. Sự sáng suốt thể hiện ở đôi mắt vẫn ánh lên vẻ tinh nhanh, quyết đoán mỗi khi có ai đến thăm hỏi, hoặc khi nghe mấy đưa cháu nội kể cho những sự kiện lớn xảy ra trong làng xã, mặc dù đôi mắt ấy tụt sâu xuống hai hốc mắt và được che khuất bởi hàng lông mày rậm rịt.   
          Từ ngày thôi làm chủ tịch xã, nghỉ ở nhà, lão Khái hầu như không nói nữa. Thi thoảng trong nhà ai hỏi gì, hoặc lúc cần thiết lắm lão mới mở miệng. Thời còn đương nhiệm, lão không ít nói như thế, ngược lại, còn hay nói cười. Việc nhỏ cũng cười, việc nghiêm trọng ngỡ long trời lở đất, cũng cười. Người ta cho rằng, người hay cười là tính dễ dãi hay xởi lởi. Dễ tính hay không thì còn phải bàn, nhưng với lão, cái cười hóa giải bao nhiêu là việc.Đứng đầu một xã lớn mấy nghìn dân, hằng ngày, việc lớn việc nhỏ đều dồn đến ông chủ tịch. Quả là mọi việc, không đến lão thì thôi, chứ đến tay lão, lão cười cười  và sau đấy là yên thấm, ổn thỏa. Kẻ được thì hớn hở, người không được thì dù có ấm ức mấy cũng không nói vào đâu được. Dân chúng trong xã thì thào sau lưng lão: “Cha ấy, cứ cười thế thôi, chứ bên trong ghê lắm. Khôn có lõi. Đúng là ngậm miệng ăn tiền”.   
           Lão không nói gì, bảo là ngậm miệng còn đúng, chứ đằng này suốt ngày đêm, miệng nói chân đi, điều hành hàng núi việc. Tự thân lão biết…   
          Nghỉ việc một thời gian là lão Khái sinh ốm. Hàng xã, ai cũng thắc mắc: “Quái… ông ấy khỏe là thế. Bệnh tật gì mà ốm cơ chứ?”. Không những ốm, lão còn suýt từ giã cõi đời…   
          Nằm bệt một thời gian, lão thấy người cứ nhược đi. Một hôm, buổi sáng, cô con dâu trưởng bưng đến giường lão bát cháo, lão lắc đầu. Lão cảm thấy nuốt không trôi. Chẳng bì cho trước đó ít ngày, ai đến thăm cho quà gì lão cũng giữ bên người. Đứa cháu nào mon men đến gần mong rằng ông cho một miếng, lão cảnh giác mắng: “Quà người ta biếu tao chứ cho chúng mày à”. Cô con dâu thấy vậy bảo chồng: “Già đốc chứng. Xem chừng người tham ăn như vậy...là ông sắp gần đất xa trời rồi”. Anh con trai trưởng, mới nhậm chức chủ tịch xã trả lời: “Còn lâu… Năm ngoái ông chẳng mọc thêm cái răng khôn đấy à”. May mà những lời ấy, vợ chồng chúng giấu lão, chứ lão mà nghe thấy thì dù có ngậm miệng như cóc, lão cũng phải tế cho một trận nên thân.   
          Người lớn đi vắng. Mấy đứa cháu nội, đứa đi học, đứa bỏ chơi, để mình lão nằm nhà. Bát cháo để bên cạnh nguội tanh từ bao giờ và ruồi bu đen. Lão Khái im lìm dưới tấm chăn chiên mỏng đắp ngang bụng…   
          Lão Khái lò dò từng bước. Nhờ cây gậy chống mà lão tránh khỏi mấy lần vấp ngã, khi thì hòn đá, lúc cái rễ cây. Lão đi theo một con đường mòn nhỏ đầy dấu chân người.Con đường như tạo bởi một chất hồ sền sệt. Lão nhìn xuống mặt đường chi chít dấu chân. Dấu cũ, dấu mới, dấu nọ chồng lên dấu kia, nhưng mắt lão còn tinh, lão nhìn thấy rõ hết. Kìa là dấu chân một bà lão già yếu và chắc phải cao tuổi lắm, bởi bàn chân không, bé nhỏ nhưng ngón cái lại choãi ra kiểu chân Giao chỉ; còn kia là chân của một gã thổ mộc, hoặc bốc vác, bởi nó to bè như bàn cuốc và có vẻ vững chãi lắm; đây là chân của quan chức, hoặc thương gia và chắc hay phải đi nước ngoài, bởi dấu giày giống của một ông cán bộ từng đưa đoàn chuyên gia nước ngoài về xã hồi lão đương nhiệm; và kia nữa, đôi dấu chân thiếu nữ uyển chuyển thể hiện ở dấu cái gọi là nửa guốc nửa giày – mô – đen thời đại… Nhiều lắm, lão tự nhủ, mình người nhà quê mà cũng biết lắm thứ ra phết, thôi mệt người chẳng thèm phỏng đoán nữa. Con đường dẫn đến một cây cầu, thêm cầu nữa, rồi lại cầu nữa… Và lão Khái sa vào một cái hốc đen mờ. Lão cảm thấy quay cuồng và người lão như bị cuốn đi bởi một dòng chảy. Lão chẳng còn biết định hướng ra sao nữa. Lão lờ mờ nghĩ, thôi rồi, có lẽ ta sa vào một cái bẫy nào, chắc là chết… Nhưng rồi lão định thần được và thấy mình đang ngồi trên một bãi rộng. Lão nhìn quanh, toàn là những bụi cây lúp xúp, thân cành không lá mà toàn những chùm gai gớm ghiếc. Lão nhẩm đoán, chắc đây là sa mạc châu Phi. Chợt tai lãi nghe đâu đây tiếng nước chảy thật. Lão đứng dậy và chúi người xuống suýt ngã vì lão không biết rằng cây gậy chống đã bị văng mất từ bao giờ. Lão tập tễnh tiến từng bước một về phía có nước chảy. Và trước mắt lão hiện ra một dòng sông nước đen ngòm mà mặt sông thì mù mịt như là khói. Lão đứng tần ngần trên bờ, ước tính, dễ con sông này phải rộng gấp ba con sông làng mình, mà sao nước lại không đỏ phù sa nhỉ, cũng chẳng có bèo Nhật Bản và rau muống nước, chắc ở đây người ta không nuôi lợn. Rồi lão nghe có tiếng mái chèo khua nước, bèn khum tay che mắt gập cả người để nhìn. A có một ông lão, có vẻ già hơn mình, đang chèo một chiếc thuyền con ở giữa dòng. Lão vội bắc loa tay gọi: “Đò ơi! Ông lão ơi, cho tôi sang với!...” Ông ta không trả lời và cứ khoan thai chèo vào gần bờ. Lão vừa chờ đợi vừa nghĩ, các cụ bảo: “qua sông phải lụy đò”, cấm sai chút nào. Giá ở nhà, mình có cái thuyền nan buộc gốc với bờ sông, khi cần, chèo loáng một cái là xong.   
          Ông lão cặp mũi thuyền vào bờ, hỏi: “Đi đâu?”. Lão Khái nhìn ông lái đò, quái sao mặt lão ta lại dài thế nhỉ, giống hết cái diệp cày 51, trông kỹ thì không già lắm, có lẽ chỉ tại cái chòm râu, và lão lắp bắp: “Cho tôi sang bờ bên kia… tôi đi…”.Gắt: “Biết rồi, nhưng mà có biết bờ bên kia là đâu không mà đòi sang?”. Lão Khái cáu: “Tôi cần sang thì ông cho tôi sang, sao ông cứ căn vặn mãi. Nói cho nhà ông biết...tôi đã từng là chủ tịch xã, và không bao giờ tôi hỏi hách dịch như thế với người dân đâu nhé. Ông là cái…”, lão định văng tục, nhưng kịp kìm lại, bởi lão sợ ông ta không cho qua đò thì khốn. Ông lái đò nhìn lão lạnh lẽo: “Thôi được! Xuống đi và đừng hối tiếc nhé!”. Lão Khái lập cập xuống, ngồi bệt vào lòng đò, con đò tròng trành khiến lão phải bám chặt vào hai mạn. Lão thấy lạnh, lạnh thấu xương và lão tự trách, mình vội đi quên khuấy không khoác theo áo trấn thủ, hoặc tốt nhất là khoác chiếc chăn chiên, tha hồ ấm, như trước đây mình hay mò đêm bắt rượu lậu. Lão so người. Con đò quay mũi sang ngang. Mấy lần lão định bắt chuyện với ông lái đò nhưng bắt gặp ánh mắt lạnh băng của ông ta, lão lại thôi. Ngồi im trong lòng đò và bây giờ lão mới để ý sang bờ bên kia. Lão thấy bóng người đi lại có vẻ nhộn nhịp lắm; lại thấy có chỗ tối đen, có chỗ hồng lên như bếp lò rèn của lão Béo ở quê; và kìa, có những vết sáng ngũ sắc, chắc hẳn là cầu vồng, nhưng cầu vồng phải bảy sắc cơ mà; lại nữa, tai lão nghe rõ tiếng đào đất, xe cút-kít, tiếng choòng búa, rồi tiếng người hò hét, quát tháo và cả tiếng rên rỉ đau đớn… Lão đánh bạo hỏi: “Này ông lão ơi...ở bên ấy có gì thế?”. “Sao lại hỏi ta” – ông lái đó trừng mắt – “Ta không biết. Mà này, đừng có đánh trống lảng. Tiền đâu đưa đây”. Lão ngạc nhiên: “Tiền nào?”. “Tiền đò chứ còn tiền nào. Thế ngươi chưa đi đò bao giờ à?”. Lão cãi: “Đi nhiều chứ ". Lại gắt : "Thế nhưng nhàngười không bao giờ trả tiền đò à?”. Đến đây thì lão ớ người, quả là lão chưa hề mất tiền đò bao giờ. Xã lão có con sông, một tuyến đường liên xã ngang qua, thế là để tận thu, lão lập ra một tổ đò ngang, mọi người qua đều phải mua vé, tiền thu vào ngân sách xã, riêng lão, là chủ tịch nên mỗi lần qua, mấy cậu lái đò đều xun xoe bê xe đạp cho lão và vài lần đầu, giữ thể diện lão móc túi trả tiền, chúng cười hề hề “Đáng bao nhiêu… Anh lo việc cho cả xã”. Lão đắm mình vào hồi niệm thì giật mình bởi tiếng quát: “Tiền đâu. Nhanh lên chứ!”. Theo phản xạ, lão Khái đưa tay lục túi, nhưng lần sờ mãi chẳng có xu nào. Lão toát mồ hôi, lắp bắp xin: “Ông ơi, tôi quên tiền ở nhà rồi. Cho tôi qua đi, lần sau tôi trả gấp đôi”. Ông lái đò tức: “Lằng nhằng. Làm gì có lần sau mà trả gấp đôi. Ai qua đây cũng chỉ một lần thôi. Không tiền thì quay lại. Mất thì giờ!”. Và sau đó mặc cho lão nằn nì, ông lái đò không thèm trả lời, quay đò lại, chèo loáng một cái đã vào bờ: “Lên đi. Lần sau có quay lại đây thì nhờ mang theo tiền!”. Vừa nói, ông ta vừa túm lấy cổ áo lão Khái lẳng lên bờ. Lão ngã rúi rụi, lúc bò được dậy, ngoảng lại, đã mất hút cả người và đò. Lão Khái tức điên người, lẩm bẩm rủa: “Người đâu mà thô tục. Đúng là quỷ?”….. Lão nguôi giận, đứng dậy, bần thần: “Đây là đâu nhỉ? Mình đi đâu bây giờ?”. Chợt lão nhớ là hôm nay, người lớn đi vắng cả, có mỗi thằng cháu nội bé nhất ở nhà với lão. Lão mải đi chơi thế này, ngộ nhỡ ở nhà nó tha thẩn ra bờ sông, sẩy chân thì khốn. Lão Khái hốt hoảng: “Chết thật! Phải về nhà ngày!...”   
          Lão he hé mắt, trong mắt nặng trĩu. Lão cảm thấy nhà sáng choang. Tai ong ong, rồi lão nghe thấy nhiều tiếng người nói, cười. Giọng một ai đó hỏi: “Thế ông cụ đã tỉnh hẳn chưa?”. Con trai đầu lão trả lời: “Cảm ơn ông, ông cụ nhà tôi chưa tỉnh hẳn nhưng hơi thở khá đều rồi. Gớm tưởng ông cụ đi, nhà đã chuẩn bị hết rồi, quan tài, khăn xô, gạo lợn. Mà lợn đã mổ rồi”. Một giọng khác: “Sẵn lợn đã mổ, ta ăn mừng ông cụ hồi lại. Sau đận này, có dễ ông cụ phải thọ tới trăm tuồi”. Con dâu lão tíu tít đáp lễ một đoàn khách, vừa kể lể: “Em đang làm đồng, thấy thằng cháu chạy ra gọi, bảo con đi học về, nhà chẳng thấy ai, lay hỏi ông thì ông đã cứng đờ rồi. Em vội về, cho cháu gọi nhà em ở Ủy ban. Chao ơi, lúc cậy miệng ông cụ ra để cho đồng trinh tiền đò vào mà không sao được. Hai hàm răng cụ cứ nghiến chặt vào nhau. Nhà em bảo không cho cũng được, chỉ vẽ chuyện, nhưng mà em nghĩ phép các cụ từ xưa thế thì cũng phải làm. Lúc liệm ông cụ lại thấy người ông cụ mềm và âm ấm. Nhà em bảo, hay là cụ hồi lại. Em sợ quá, nghĩ là quỷ nhập tràng, bởi em quên không nhốt con mèo của nhà lại. Thành ra cụ hồi lại thật”. Ai đó oang oang: “Thế là phúc đức lắm”. Lát sau lão Khái nghe thấy tiếng cô con dâu đi ngang qua giường lão nằm, lẩm bẩm “Phúc đức chẳng thấy đâu, mất toi tạ lợn”. Đã mở mắt ra rồi, nghe được vậy, lão Khái nhắm nghiền lại. Lão nghĩ, thì ra là mình đã chết rồi lại hồi. Thôi đúng con đường sền sệt đầy dấu chân người ấy là đường xuống cõi âm, còn con sông, bến đò và người lái đó là cửa vào âm phủ. Vì lão không có tiền trả cho người lái đó nên lão ta phải quay lại dương gian. Ngẫm nghĩ, lão thấy tiếc, giá như lão cố nằn nì hoặc lừa cha lái đò thì lão đâu phải quay lại. Giờ có sống, con cháu nó nghĩ vậy thì sống mà làm gì, “đa thọ đa nhục”. Lão khẽ nghiêng đầu, quay mặt trở về phía trong, và từ đôi tròng mắt tưởng đã hết thần sắc của lão ứa ra hai giọt nước. Không một ai biết điều đó, bởi mọi người lại xôn xao bàn tán chuyện sắp tới có Nhật thực. Đầu lão Khái chợt lóe lên một ý nghĩ và lão nói trong suy nghĩ: “Được rồi ta sẽ có cách”….   
          Mặt trăng hắt bóng đen của mình xuống trái đất, nhưng thời gian mặt trăng che ánh sáng mặt trời chỉ là chốc lát, còn với lão Khái, cái bóng của lão đã trùm bao cả xã Đông Tân hàng mấy chục năm.   
          Lão Khái tham gia du kích xã từ khi còn rất trẻ. Trong một trận trống càn, lão bị đạn vào cánh tay, sau đấy, vết thương lành nhưng cánh tay đó bị tật khoèo. Hòa bình lập lại, Khái tham gia công tác ở làng, rồi lên xã. Vốn trẻ trung, tháo vát và tính mềm mỏng, qua mấy khóa bầu, Khái trúng vào hội đồng nhân dân xã. Thoạt đầu làm thường trực Ủy ban nhân dân xã, sau lên phó chủ tịch, rồi chủ tịch. Khái đông con, ba trai, hai gái, vợ Khái quanh năm suốt tháng hết chữa đẻ, lại ốm đau không mấy khi ra đồng. Là chủ tịch xã, Khái biết tường tận cái kiểu làm ăn xã viên nghe kẻng, tập trung ra đồng làm quấy quá cho hết ngày để lấy công điểm đó chẳng mang lại hiệu quả gì, song vợ mình không làm thì lại mang tiếng. Khái nghĩ cách, mỗi thôn lập ra một nhà trẻ, đưa vợ mình ra trông trẻ của làng, nhưng mọi nhà quen cái nếp bà giữ cháu, chị giữ em ở nhà nên cả mấy gian đình được Khái biến thành nhà trẻ, lơ thơ mấy đứa bé nheo nhóc, chủ yếu là lũ con Khái. Thế nhưng, vợ Khái lại được chia rất nhiều công điểm. Nhà toàn ăn công gián tiếp nhưng vụ nào thóc cũng đấy cót, đầy bịch.   
          Dân trong xã nói chung là thuần, duy chỉ có làng Đoan là bướng bỉnh. Làng Đoan đông dân, đường ngõ quanh có, lát gạch nghiêng tím xịm. Làng này nổi tiếng có của ăn của để từ xưa bởi cả làng đều có nghề nấu rượu. Rượu Đoan ngon nổi tiếng khắp vùng. Thứ rượu trong suốt, cắm tăm, nặng nhưng không sốc của làng Đoan được đựng trong những chiếc bong bóng trâu thuộc to tướng luân chuyển đi các nơi. Thời Tây, cả xã khổ lây với làng Đoan bởi những cuộc khám xét trong “chiến tranh rượu” của Pháp ở thuộc địa. Ở vào thời ấy, chính Khái đã giấu rượu lậu hộ bà con họ hàng người làng Đoan, nên bây giờ, Khái hiểu đủ thủ đoạn, mưu mẹo lậu rượu của làng Đoan. Khái lờ đi cho thì được, chứ khi nào Khái tổ chức khám bắt thì đố có nhà nào qua mặt được. Có điều khó nhất cho Khái là phải đối mặt với bà con, họ hàng. Là chủ tịch xã, đáng ra Khái không phải tham gia trực tiếp vào các việc như thế, song vắng mặt Khái, anh em dân quân không dám làm, bởi họ sợ bà con la lối, thế là Khái đành phải chường mặt ra. Ai nói gì, Khái cũng cười cười bảo: “Rượu Đoan ngon thế, đến như tôi ngửi thấy mùi cũng ứa nước miếng, huống hồ… Giỗ Tết có rượu Đoan mà uống thì thú biết bao. Rượu nơi khác chán chết, nhất là cái thứ rượu mùi. Nhưng mà, nấu rượu là vi phạm chính sách lương thực của Nhà nước. Ngoài tiền tuyến, con em mình đang cần có gạo ăn kia kìa. Thiếu gạo họ phải ăn rau tàu bay với chuối rừng thay cơm, thế mà bà con mình lại cứ rượu tì tì như vậy thì còn ra thể thống làm sao!... Một chén rượu bằng ba bát cơm đấy…”. Nghe ra có lý thật. Có lần Khái chạm trán với ông chú vợ. Ỷ vai trên lại cao tuổi, ông chú vợ làm già: “Thế tao muốn có vài ba lít để ngâm thuốc không được à?”. Khái lại cười: “Được chứ ạ! Chú có trong nhà đến dăm chục lít, đủ ngâm thuốc uống đến ngoài trăm tuổi ấy chứ!”. Ông ta tức quá gầm lên: “Đâu, đâu!... Mày điêu toa như mấy mụ đàn bà ấy”. Rồi ông ta nhổ toẹt vào mặt Khái. Khái giận tím người nhưng vẫn trấn tĩnh được, cười nhạt: “Ông làm ơn cho con mượn cái khăn, con quên không mang theo khăn… Con sợ, ngộ nhỡ ra ngoài đường người ta thấy lại bảo ông không biết dạy con cháu. Là con lo xấu mặt ông”. Đại loại những chuyện như thế nhiều lắm…   
          Thời chiến tranh, hàng năm công tác trọng điểm của xã, còn quan trọng hơn cả việc sản xuất là hai đợt tuyển quân. Phần đông, mọi gia đình và cả đám trai tráng đều hiểu đó là nghĩa vụ thiêng liêng, nhưng không hiếm nhà “con độc, cháu đích tôn”, lại có nhà cố tìm cách lẩn trốn. Hàng xã nhìn vào nhà Khái, nhất cử nhất động, mà theo. Đứa con trai lớn, vừa tốt nghiệp cấp hai, còn thiếu tuổi, Khái “vay tuổi” cho nhập ngũ, làm gương. Thế nhưng, sau khóa huấn luyện, thằng con Khái được giữ lại làm giảng viên huấn luyện. Khái bí mật gọi con về làng, đánh tiếng là về phép để đi B, rồi sau đó, Khái cấm con không được bén mảng về nhà, ở lì trường huấn luyện, lâu lâu Khái lên thăm, tiếp tế cho ít tiền. Đứa con trai thứ hai, có đợt lấy người đi công nhân kỹ thuật ở nước ngoài, Khái cho đi. Làng xã ai hỏi gì, Khái cười bảo: “Nhà tôi phải toàn diện, đứa đánh giặc, đứa xây dựng đất nước. Đi hai chân như vậy mới vững vàng chứ”. Khái đã hàng trăm lần cầm trên tay giấy báo tử. đi báo cho gia đình và cũng từng ấy lần Khái chủ trì buổi lễ truy điệu. Khác với bình thường, bao giờ Khái cũng rất kiệm lời và trước khi kết thúc, Khái trầm giọng, thống thiết: “Con người là vốn quý nhất. Mất của thì còn làm ra được, chứ mất người sao lấy được. Nhưng cái chúng ta còn thì bao trùm tất cả - đó là đất nước. Hôm nay, tôi nói với bà con thế này, biết đâu ngày mai. Vâng, chỉ ngày mai thôi, tôi phải cầm trên tay mảnh giấy báo tử con tôi…!”. Đến đá cũng phải chảy nước mắt.   
          Mấy đứa con gái của Khái học kém, đáng lý trượt lên trượt xuống, nhưng cứ gần cuối năm học, Khái lại cho mời thầy hiệu trưởng nhà trường lên xã, trích ngân sách xã cho nhà trường một khoản tiền, hoặc ít phi lao, xà cừ chặt ở đường liên thôn để nhà trường sửa chữa cơ sở vật chất. Thế là thầy hiệu trưởng bèn lệnh cho các thầy cô chủ nhiệm lớp con Khái học “cấy” điểm cho con Khái đủ lên lớp. Bầy giờ, ở xã, con cái nhà nào vào được cấp ba là danh giá lắm, học lên đại học thì danh giá nữa và như thế nghiễm nhiên thành viên chức Nhà nước rồi. Thâm tâm, Khái chuẩn bị cho chiến dịch “viên chức hóa” con cái. Học hành kha khá ở xã phần nhiều là đám con cái các nhà địa chủ, lí dịch, hoặc viên chức có dính dáng với Tây thời cũ. Khái nhận ra rằng, đám ấy muốn thoát ra khỏi địa phương để đi thoát ly đều phải qua tay Khái ký lí lịch, nên họ thường cầu thân với Khái. Khái bảo lũ con mình chơi với đám đó, nhờ chúng kèm cặp văn hóa. Làm như thế, Khái lại được tiếng là công minh, không trù úm, đố kị. Song đền thi cử thì chịu. Tay Khái không đủ dài để vươn lên trên, mà đám con nhà “có vấn đề” cũng không thể thi hộ con Khái. Khái tức lắm, bèn dặn đám văn thư xã: “Hễ thấy giấy báo gọi ai đi đại học, trung cấp thì đưa tôi xem. Ở trên có mật lệnh là phải xem xét kỹ lý lịch, gạt bỏ khỏi bộ máy Nhà nước những phần tử xấu, cơ hội đang leo cao, chui sâu…”. Và thế là, hết thảy các giấy gọi đi học đều qua tay Khái. Khái ỉm đi hàng loạt. Thời ấy, việc học hành còn tù mù lắm, chẳng ai biết mà kiện, mà có biết cũng chẳng dám kiện, bởi người ta nghĩ, tương lai con cái họ vẫn nằm trong tay Khái. Còn Khái nghĩ bụng, ta làm thế chẳng tội tình gì, xã hội tiến thoái đâu phải vì một vài cá nhân đó, ta làm vậy là thực hiện công bằng xã hội, đám con cái nhà giàu học hành nhiều đời rồi, nay phải nhường chỗ cho con cái của bà con nông dân, của người lao động. Rồi đâu cũng vào đó, bằng mọi cách, Khái nhồi được hết lũ con còn lại đi học chuyên nghiệp. Đứa con cả ở quân đội –người từng đi “B dài” và bị bố đe biến thành liệt sĩ hàng trăm lần, phục viên về địa phương. Từng qua quân ngũ, lại thành phần trong sạch và được bố “quy hoạch”, cậu ta nhanh chóng trở thành bí thư xã Đoàn, vào thường vụ xã, quan lộ mở ra trước mắt. Lẽ dĩ nhiên, được việc nhà, Khái được cả việc công. Chẳng thế mà, từng ấy năm làm chủ tịch, trải qua biết bao khóa bầu, Khái vẫn trúng cử. Người ta bảo, đó là cái khéo của Khái, cái mà người ta gọi là “ngậm miệng ăn tiền” chăng?   
          Sau lần chết đi, sống lại, lão Khái được chăm sóc chu đáo hơn trước. Mấy đứa con gái thoát li lấy chồng xa kéo về đông đủ. Người nào cũng khá giả, nên quà biếu bố đầy nhà. Khốn nổi, lão có ăn được mấy đâu. Vả lại, lão đã có chủ ý của lão. Được dăm bữa nửa tháng, dù có thương bố đâu thì mấy cô con gái cũng đành chào bố trở về nhà mình với biết bao công việc đang chờ, để lại câu dặn với anh trưởng: “Bác ráng chăm sóc ông cụ cho chu đáo, cần gì cứ phôn cho chúng em một tiếng, nếu không về được, chúng em sẽ gửi tiền về cho bác”. Riêng cậu con trai thứ hai từ ngày đi nước ngoài không về nữa, và đã lâu cũng bặt vô âm tín nên không biết gì chuyện ở quê nhà. Lão Khái cũng ước được thấy mặt con mình, vì thế lão nấn ná chưa quyết hẳn. Lão nghĩ bụng: “Nó thế là bạc, nhưng nghĩ cho cùng, nó cũng đáng thương. Giầu sang phú quý chẳng thấy đâu song lại mang tiếng tha phương cầu thực. Mình là cha nó, mình tha thứ cho nó thôi”.   
          Khi đám con cháu láo nháo đi cả rồi, một hôm, đứa dâu trưởng bảo lão Khái: “Con dọn dẹp nhà ngang, ông xuống dưới ấy nằm nghỉ cho yên tĩnh. Ở nhà trên này, nhà con làm chủ tịch, suốt ngày khách khứa nên ồn ào lắm”. Nghe vậy, lão Khái nhẩm bụng “À ra nó đuổi khéo mình đây”. Song lão vẫn chờ xem thằng con trai cả có nói gì không. Mãi không thấy gì, lão hiểu rằng, vợ nó chỉ là người nói ra hộ nó điều ấy thôi.   
          Kể từ hôm dọn xuống nhà ngang, lão Khái dứt khoát hẳn, âm thầm thực hiện ý đồ của mình. Cơm cháo do con dâu và mấy đứa cháu đưa xuống, lão chỉ nhấm nháp qua quýt, đợi lúc mọi người vắng nhà, gọi đám chó đổ cho chúng ăn hết. Vốn đã yếu, lão ngày càng yếu hơn. Lão biết cái ngày lão ra đi không còn bao xa nữa. Ngày nhật thực tới gần, lão chạy đua với trời đất. Có một điều lão luôn ghi nhớ là khoản tiền đò. Lão sẽ không lỡ chuyến đò cuối nữa. Lão thầm cảm ơn cái sự sai lầm trước, để từ đó, lão có thời gian ngẫm nghĩ, điểm lại cuộc đời mình và thấu hiểu nhân tình thế thái. Một lần, lão gọi đứa cháu nội vào hỏi nó: “Cháu có tiền không?”. Thằng bé tưởng lão cần tiền, nó móc từ đáy cặp sách mấy trăm đồng tiền giấy nhàu nát, cáu bẩn, nhét vào tay ông: “Tiền đây, ông cần mua gì bảo cháu, cháu sẽ mua cho ông”. Lão xoa đầu thằng bé: “Cháu thảo lắm. Ngoan lắm. Yêu cháu lắm. Ông không cần tiền đâu mà chỉ hỏi thế thôi”. Cái lão Khái cần là đồng tiền trinh, tiền xu cơ. Lão không muốn hỏi xin con trai hoặc con dâu bởi sợ chúng căn vặn. Đang băn khoăn thì lão thấy ở dưới đất một mảnh sắt, lão nhoài người nhặt lên, đưa lên mắt ngắm nghía: “Đây rồi! Tiền đây chứ đâu!”. Lão sẽ mài những góc nhọn cho nó tròn. Chỉ cần tròn tròn, hao hao giống đồng trinh là được. Lão sẽ đợi đúng lúc nhật thực để qua đò. Người ta bảo, lúc nhật thực, nhập nhoạng, láo nháo âm dương, lão lái đò sẽ không biết gì đâu. Lão sẽ ấn miếng sắt vào tay người lái đò, nhất định là lừa được. “Phải rồi, tròn tròn, giống đồng trinh” – lão Khái ngợp đi trong niềm hân hoan.   
          Những ngày sau, lão miệt mài với việc làm cho miếng sắt tròn. Miệt mài như thời sung sức gom góp xây dựng gia nghiệp. Thỉnh thoảng anh con trai trưởng xuống hỏi thăm, lão đều bảo: “Anh yên tâm, thầy khá hơn lên. Thầy còn thọ đến trăm tuổi kia mà”. Anh con trai ráo hoảnh: “Vâng! Thầy phải thọ để hưởng lộc chứ ạ. Con cháu nhờ thầy gây dựng. Cả xã nhờ công thầy mới được như ngày hôm nay. Từng ấy năm thầy chèo lái…”. Lão Khái phều phào: “Thôi thôi… Tôi đâu dám…!”   
          Ngày nhật thực đang đến gần. Miếng sắt đã tròn. Chợt lão nhớ đến lời cô con dâu hôm nào “cậy mãi không được miệng để cho đồng trinh tiền đò”, lão há miệng thử.  Được rồi. Lão Khái từ từ đưa đồng sắt  lên miệng, ngậm vào dần. Lão thở mạnh. Rồi nhằm mắt lại, thiêm thiếp… Chờ đợi con đường sền sệt đầy dấu chân người. Ở cuối con đường ấy có một bến đò…!   
                                                                                                                       *Những ngày giáp Nhật thực 1995*

Lời cuối: Cám ơn bạn đã theo dõi hết cuốn truyện.  
Nguồn: http://vnthuquan.net  
Phát hành: Nguyễn Kim Vỹ.  
Đánh máy: tamvanvov  
Nguồn: Tác giả/ VNthuquan - Thư viện Online  
Được bạn: Ct.Ly đưa lên  
vào ngày: 12 tháng 9 năm 2009